

## TRUYỀN THÔNG BẰNG NGÔN NGỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ QUA MỘT SỐ SÁCH VÀ BÁO IN Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Cao Thị Hảo

Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Email: caohaokv@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết đề cập đến vấn đề truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số (DTTS) ở một số sách và báo in, trong đó tập trung khảo sát thực trạng của báo in, sách in và sách dạy tiếng dân tộc viết bằng ngôn ngữ DTTS. Đây là một trong những phương thức giúp bảo tồn ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam. Trong quá trình bảo tồn văn hóa dân tộc, ngôn ngữ của dân tộc có vai trò rất quan trọng, không chỉ là cầu nối để đồng bào tiếp nhận tri thức mà còn là nơi lưu giữ văn hóa và bản sắc của mỗi dân tộc thiểu số. Đặc biệt, trong bối cảnh ngôn ngữ dân tộc ngày càng bị mai một, ngay cả đồng bào dân tộc cũng mù chữ hoặc không dùng tiếng mẹ đẻ của mình thì vai trò của loại hình sách, báo này lại càng không thể thiếu trong truyền thông nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống tại vùng đồng bào DTTS ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Truyền thông, ngôn ngữ dân tộc thiểu số, bảo tồn văn hóa, sách báo in bằng tiếng dân tộc.

**Abstract:** The article addresses the issue of communication in ethnic minority languages in several printed books and newspapers, focusing on examining the current situation of printed ethnic minority language teaching materials and textbooks. Communication in ethnic minority languages is one of the ways to help preserve ethnic minority cultural values and languages in Vietnam. In the process of preserving ethnic cultures, ethnic languages play a very important role, not only as a bridge for people to receive knowledge but also as a place to preserve the culture and identity of each ethnic group. In particular, in the context that the ethnic languages are increasingly being lost, even when ethnic minorities are illiterate or do not use their mother tongue, the roles of this type of book and newspaper are even more indispensable in ethnic language communication because they are to improve the quality of life in ethnic minority areas in Vietnam.

**Keywords:** Communication, ethnic minority languages, cultural preservation, books, and newspapers in ethnic languages.

Ngày nhận bài: 22/2/2021; ngày gửi phản biện: 1/5/2021; ngày duyệt đăng: 13/6/2021

---

## **Đặt vấn đề**

Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững vùng DTTS, những năm gần đây Đảng và Nhà nước ta đã thực thi đồng bộ nhiều chính sách. Cùng với chính sách giáo dục và truyền thông bằng tiếng Việt, để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, giúp mang lại những thay đổi tích cực cho đời sống của các cộng đồng DTTS trong ngôi nhà chung của các dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước còn sử dụng tiếng dân tộc thiểu số làm phương tiện truyền thông bởi những lợi thế vừa mở rộng tri thức vừa giúp giữ gìn bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa.

Khảo sát cho thấy, truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS hiện nay được thực hiện chủ yếu ở phát thanh và truyền hình. Ngoài ra, các cơ quan đoàn thể, ban ngành địa phương, các tuyên truyền viên vùng DTTS còn sử dụng một số loại hình truyền thông khác đến với đồng bào các dân tộc, giúp khắc phục tình trạng thiếu thông tin ở vùng DTTS. Các loại hình đó là: báo in, sách in; báo mạng điện tử, công thông tin điện tử qua internet; mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube; truyền thông trực tiếp;... Các loại hình này thực sự chưa được sử dụng thường xuyên và phổ biến ở vùng đồng bào các DTTS. Tuy nhiên, trong mỗi thời điểm, tùy thuộc điều kiện và từng đối tượng, các loại hình này thường được linh hoạt sử dụng cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả truyền thông tốt nhất. Trên cơ sở đó, bài viết chủ yếu đi sâu phân tích, đánh giá về thực trạng của một số loại báo in, sách in bằng ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam hiện nay.

### **1. Truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số qua một số loại báo in**

Trong chính sách thông tin, tuyên truyền cho vùng đồng bào DTTS, Đảng và Nhà nước rất chú trọng đến loại hình báo in, sách in bằng ngôn ngữ dân tộc. Việc sử dụng ngôn ngữ DTTS trong báo in đã được triển khai thực hiện từ những năm cuối thế kỷ XX. Tháng 1/1991, lần đầu tiên *Bản tin, ảnh Dân tộc và Miền núi* có nội dung chuyên biệt về vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) do Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) xuất bản đã ra đời. Ngoài bản in bằng tiếng Việt, cũng trong năm 1991, *Bản tin, ảnh Dân tộc và Miền núi* đã được TTXVN biên dịch ra tiếng Khơ-me (Khmer) để cấp phát tới các xã, trường thôn/bản, trường học, chùa Khơ-me, đồn biên phòng và các cơ quan làm công tác dân tộc. Năm 2012, có 5 tờ *Báo ảnh Dân tộc và Miền núi* song ngữ Việt - Khơ-me, Việt - Chăm, Việt - Ba Na, Việt - Gia Rai, Việt - Ê Đê của TTXVN lần lượt được ấn hành, mang đến niềm vui cho bạn đọc cả nước, nhất là đồng bào DTTS. Đặc biệt, từ tháng 1/2013, TTXVN đã cho xuất bản song ngữ tiếng Việt và 12 ngôn ngữ DTTS theo hình thức *Báo ảnh Dân tộc và Miền núi*, đó là các ngôn ngữ: Chăm, Ba Na, Ê Đê, Gia Rai, Cơ Ho, Mnông, Khơ-me, Hmông, Tày, Xơ Đăng, Cơ Tu, Hoa. Báo ra định kỳ theo tháng, mỗi tháng 1 số. Với lợi thế song ngữ, lại là hình thức báo ảnh, tờ báo này đã góp thêm một kênh thông tin sinh động dành cho đồng bào DTTS ở mọi miền Tổ quốc. Số lượng bản in rất lớn: 69.000 bản/1 kỳ.

Theo định hướng của TTXVN, các thứ tiếng dân tộc còn lại đã có chữ viết sẽ được tiếp tục ra đời trong thời gian tới.

Trong các ngôn ngữ DTTS được in song ngữ ở *Báo ảnh Dân tộc và Miền núi*, ngôn ngữ Kơ-me có số lượng bản in song ngữ Việt - Kơ-me nhiều nhất với 16.700 bản/1 kỳ (trên tổng số 69.000 bản của cả 12 ngôn ngữ được in song ngữ), được cấp phát miễn phí đến gần 15.000 địa chỉ là các chùa Kơ-me, Đồn Biên phòng, Nhà văn hóa, các Trường Dân tộc nội trú, các cơ quan làm công tác dân tộc,... Do đặc điểm cư dân đông lại sinh sống tập trung ở một số tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nên ngoài *Báo ảnh Dân tộc và Miền núi* thuộc cấp Trung ương, báo in chữ Kơ-me còn được phát hành ở nhiều tỉnh của khu vực này. Đó là Báo Trà Vinh, Báo Bạc Liêu, Báo Cần Thơ Kơ-me ngữ, Báo Sóc Trăng Kơ-me ngữ, Báo ảnh Đất Mũi song ngữ Việt - Kơ-me (Cà Mau). Các cơ quan báo chí này đã luôn tìm cách cải tiến cả hình thức và nội dung, đồng thời tăng trang, tăng kỳ... nhằm đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của đồng bào Kơ-me. Ở khu vực miền Bắc báo in chữ Hmông cũng ra đời từ rất sớm. Trong gần 20 năm, từ giữa những năm 60 đến đầu những năm 80 thế kỷ XX ở tỉnh Hoàng Liên Sơn cũ, đồng bào Hmông đã được đọc báo chữ Hmông mỗi tháng 4 kỳ, nhưng do thiếu nhân sự nên hoạt động này đã chấm dứt.

Ngoài *Báo ảnh Dân tộc và Miền núi* - ấn phẩm song ngữ duy nhất cấp quốc gia, những năm qua Chính phủ đã ban hành các quyết định cấp không thu tiền một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS&MN nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn. Một số báo đã có chuyên đề DTTS&MN với nhiều thông tin thiết thực về mọi mặt đời sống của đồng bào DTTS như các báo: *Khuyến học và Dân trí, Tài nguyên và Môi trường, Phụ nữ, Đại đoàn kết, Nông nghiệp Việt Nam, Phụ trương An ninh biên giới, Biên phòng, Dân tộc và Phát triển* (Ủy ban Dân tộc), *Tin tức* (Thông tấn xã Việt Nam), *Văn hóa* (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);... Có thể thấy, việc cấp phát (không thu tiền) các ấn phẩm báo chí bằng tiếng DTTS phục vụ đồng bào là chủ trương đúng đắn và cần được tiếp tục duy trì.

*Báo ảnh Dân tộc và Miền núi* được viết bằng ngôn ngữ của 12 DTTS, gồm 48 trang cả bìa, in trên giấy đẹp, khổ to, trình bày song ngữ kèm ảnh minh họa rõ ràng, dễ hiểu. Nội dung ở loại hình báo ảnh này khá phong phú, ngoài thông tin về kinh tế, chính trị xã hội còn có nhiều hình ảnh minh họa phù hợp với tâm lý tiếp nhận của đồng bào dân tộc. Nhìn chung, báo ảnh dễ xem, hấp dẫn với thông tin khá cập nhật, đã chuyển tải tình hình thời sự trong nước và địa phương, các gương người dân tộc điển hình làm kinh tế giỏi, xóa đói giảm nghèo, phát triển nghề truyền thống, vấn đề chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bản sắc văn hóa của các DTTS trong nước,... Kết cấu của báo ảnh gồm nhiều nội dung, tùy từng số mà tin bài và ảnh có những thay đổi, song về cơ bản vẫn nằm trong các mục sau: (1) Sự kiện và vấn đề: phản ánh tình hình chính trị xã hội; (2) Phóng sự chuyên đề: thông tin dài có tính chuyên sâu

đề cập tới đời sống của các DTTS; (3) Kinh tế - Xã hội: các thông tin về phát triển kinh tế, xã hội trong cả nước, tức những phóng sự chuyên sâu về vấn đề phát triển kinh tế ở vùng miền núi, DTTS; (4) Xoá đói giảm nghèo: phản ánh về các hộ nông dân vươn lên thoát nghèo, cách thức phát triển kinh tế, ổn định đời sống; (5) Văn hóa: giới thiệu bản sắc văn hóa của các DTTS ở Việt Nam; (6) Đất nước qua ảnh: hình ảnh về những danh lam - thắng cảnh của đất nước; (7) Y tế - Giáo dục: Phản ánh vấn đề giáo dục, chăm sóc sức khỏe; (8) Gương sáng soi chung: giới thiệu cá nhân gương mẫu, tiêu biểu trong phát triển kinh tế và lối sống; (9) Kinh nghiệm nhà nông: đề cập đến phát triển ngành nghề ở nông thôn, các kỹ thuật hiện đại được áp dụng nhằm cải thiện năng suất lao động; (10) Chính sách và cuộc sống: phản ánh những vấn đề chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống vùng dân tộc và miền núi; (11) Hà Nội xưa và nay: phản ánh cuộc sống của người Hà Nội ngày nay; (12) Biên giới - Biển đảo: phản ánh những vấn đề liên quan đến biên giới và biển đảo của nước ta, sự đổi thay ở những khu vực này và sự phát triển của đời sống bà con nơi đây; (13) Du lịch: chủ yếu là hình ảnh và những thông tin ngắn gọn về các vùng quê, khu du lịch đẹp; (14) Nhịp sống Thành phố Hồ Chí Minh: phản ánh những thông tin, đời sống của thành phố lớn nhất Việt Nam; (15) Môi trường: phản ánh các vấn đề về môi trường. Như vậy, báo có 15 chuyên mục, song có đến 6 chuyên mục phản ánh các vấn đề về kinh tế như: xoá đói giảm nghèo, chính sách cuộc sống, kinh nghiệm nhà nông, gương sáng soi chung, kinh tế xã hội, phóng sự chuyên đề,... Các đề tài khác cũng được quan tâm phản ánh như: đề tài chính trị có chuyên mục Sự kiện và vấn đề, Phóng sự chuyên đề...; Đề tài văn hóa có các chuyên mục Văn hóa, Đất nước qua ảnh, Du lịch, Hà Nội xưa và nay...; Đề tài xã hội có các chuyên mục Biên giới hải đảo, Nhịp sống TP. Hồ Chí Minh, Môi trường,... Nói chung, nội dung của báo khá phong phú và đa dạng, truyền thông được các đề tài cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Báo ảnh bằng ngôn ngữ DTTS là nơi bản sắc dân tộc của đồng bào DTTS được thể hiện rõ nét từ chính các con chữ và đằng sau các con chữ. Nhờ đó, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn ngôn ngữ, văn hóa DTTS. Song, những sáng tác song ngữ của các nhà văn người DTTS đang thiếu “đất sống”, hiện chỉ có thể in được trên một số tờ báo có trang thơ song ngữ mà khó có thể phổ biến rộng rãi trong công chúng, nên đồng bào DTTS ít có cơ hội thưởng thức, tiếp cận các tác phẩm này. Chẳng hạn, để bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa, văn học Chăm, một số tác giả người Chăm và những nhà nghiên cứu đã phát hành Tạp chí *Tagalau* chủ yếu bằng tiếng Việt, chỉ có một số bài thơ viết bằng tiếng Chăm. Ở một vài số tạp chí này, có tác giả còn trích cả bản chuyên tự La tinh và chữ Chăm cổ để bạn đọc có thể tra cứu, học tiếng Chăm. Thông qua Tạp chí *Tagalau*, vốn văn hóa, văn học, đặc biệt là ngôn ngữ Chăm được quan tâm bảo tồn, truyền dạy cho thế hệ trẻ.

Có thể thấy, báo in bằng ngôn ngữ DTTS là chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước, thể hiện sự quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS. Báo in chữ dân

tộc đem đến cho đồng bào niềm tự hào chính đáng về ngôn ngữ và văn hóa dân tộc mình, từ đó có ý thức gìn giữ bản sắc dân tộc thông qua ngôn ngữ mẹ đẻ. Qua báo chí, đồng bào DTTS nắm được, nhận thức đúng và tin tưởng vào đường lối chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; từ đó ngăn chặn các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; đồng thời các thông tin trên báo là tài liệu giúp đồng bào nâng cao dân trí, thay đổi nếp nghĩ, cách làm để phát triển kinh tế - xã hội, quảng bá cho những nét đặc sắc về sinh hoạt, văn hóa, phong tục của các DTTS số Việt Nam, cung cấp thông tin văn hóa, văn nghệ, giải trí nhằm nâng cao đời sống văn hóa - tinh thần, góp phần quan trọng trong phát hiện, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, hiệu quả của báo in đối với đồng bào DTTS vẫn còn hạn chế. Đồng bào DTTS sinh sống chủ yếu ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn nên việc cấp, phát báo vẫn xảy ra tình trạng chậm đến tay người nhận, thậm chí thất lạc. Hình thức cũng chưa phù hợp với tâm lý tiếp nhận của bà con. Tỷ lệ không biết chữ mẹ đẻ của đồng bào DTTS còn khá cao. Như vậy, lượng người được thụ hưởng kết quả truyền thông từ loại hình báo in vẫn rất hạn chế.

Ở khu vực Nam Bộ, truyền thông theo hình thức báo in bằng ngôn ngữ Khơ-me hoạt động khá sôi nổi và có nhiều thành công nhưng vẫn chưa đủ sức hấp dẫn đối với công chúng bạn đọc. Một số trang báo uy tín bằng tiếng Khơ-me ở Campuchia vẫn thu hút được người đọc với các đối tượng như những người Khơ-me biết chữ Khơ-me ở Việt Nam, người Việt biết chữ Khơ-me, những người đang học tiếng Khơ-me. Trong số các báo này có thể kể đến: *The Phnom Penh Post*, *Koh Santepheap Media*, *Kampuchea Thmey Daily*.

## **2. Truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số qua một số loại sách**

### **2.1. Sách in**

Bên cạnh báo in còn có một số sách in bằng ngôn ngữ DTTS. Viện Ngôn ngữ học đã nghiên cứu xây dựng, cải tiến nhiều bộ chữ viết cho đồng bào DTTS như chữ viết Pa Cô, Tà Ôi, Bru-Vân Kiều, Raglai, Cơ Tu, Chăm, Hrê; xây dựng chữ Thái cải tiến, phương án La tinh hóa chữ Thái, phương án chữ Mường, đề xuất cải tiến chữ Hmông,... Đồng thời biên soạn nhiều cuốn từ điển song ngữ, sách học tiếng dân tộc như: Từ điển Tày, Nùng - Việt; Từ điển Việt - Tày, Nùng; Từ điển Gia Rai - Việt, Từ điển Thái - Việt; Từ điển Mường - Việt; sách học tiếng Pa Cô, Tà Ôi; sách học tiếng Bru-Vân Kiều; sách học tiếng Ê Đê; sách học tiếng Raglai; sách học tiếng Ba Na; sách học tiếng Chăm Hroi;... Năm 2017, bộ Từ điển song ngữ Việt - Khơ-me, Khơ-me - Việt với khoảng 84.000 từ do Trường Đại học Trà Vinh chủ trì đã hoàn thành và đang được chỉnh lý, bổ sung để đưa vào in ấn xuất bản. Bộ từ điển song ngữ Việt - Khơ-me, Khơ-me - Việt hứa hẹn sẽ giúp người Khơ-me thuận tiện tiếp cận tiếng Việt hoặc người Việt dễ dàng học ngôn ngữ Khơ-me bởi ngoài phiên bản giấy, bộ từ điển song ngữ này còn chạy trên hệ điều hành IOS, Android... và phiên bản số sử dụng trên

các thiết bị công nghệ như laptop, máy tính bảng, điện thoại thông minh... sẽ giúp người sử dụng tra cứu tiện lợi, không phụ thuộc không gian, thời gian. Ngoài ra, có thể kể đến nhiều cuốn sách giá trị khác được xuất bản bằng ngôn ngữ DTTS như: *Dyông Dư Hoamon Bahnar* (Sở Văn hóa Thông tin Gia Lai), *Từ điển Việt - Mnông* (Nguyễn Kiên Trường), *Từ vựng đối chiếu Việt - Bahnar, Bahnar - Việt* (Lê Hữu Phong), *Từ điển Jrai - Việt* (Siu Poi), *Từ điển Việt - Ê-đê* (Sở Giáo dục & Đào tạo Đắk Lắk - Viện Ngôn ngữ học), *Câu đố Jrai* (Nxb. Đà Nẵng), *Từ vựng Việt - Kơ-me* (Ngô Chân Lý), *Từ vựng Kơ-me - Việt* (Ngô Chân Lý), *Từ điển Y khoa Việt - Kơ-me* (Ngô Chân Lý), *Từ điển online về từ vựng Việt - Kơ-me* (Tăng Phi Hùng), *Từ điển Mường - Việt* (Nguyễn Văn Khang), *Từ điển Thái - Việt* (Hà Văn Thương),... Ở Tây Nguyên, Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương) đã biên soạn cuốn *Đoàn kết xây dựng Tây Nguyên giàu đẹp* bằng 4 thứ tiếng song ngữ: Kinh - Ê đê, Kinh - Gia Rai, Kinh - Ba Na, Kinh - Mnông.

Đáng lưu ý, một số tác giả người DTTS đã dùng tiếng dân tộc (Kinh - Tày) để sáng tác các tác phẩm văn chương như: Nông Minh Châu, Vi Hồng, Dương Thuấn, Dương Khâu Luông, Ma Phương Tân, Nông Thị Tô Hường,... Cầm Biều với nhiều tác phẩm song ngữ Thái - Kinh; Mã A Lệnh với các truyện huyền thoại song ngữ Kinh - Hmông; Hùng Đình Quý với các tập thơ song ngữ Kinh - Hmông; Triệu Kim Văn với một số sáng tác bằng song ngữ Dao - Kinh;... Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho biết, đến nay đã xuất bản 257 đầu sách tiếng dân tộc như sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo trình, sách tham khảo, từ điển song ngữ tiếng các dân tộc Ba Na, Chăm, Ê Đê, Gia Rai, Hoa, Kơ-me, Hmông với số lượng phát hành gần 6 triệu bản.

Về sách in bằng tiếng Chăm, tác giả Inrasara đã tham gia biên soạn *Từ điển Việt - Chăm, Tự học tiếng Chăm, Từ điển Việt - Chăm dùng trong nhà trường, 4.650 từ Việt - Chăm thông dụng*. Ngay cả công trình chuyên khảo *Văn học Chăm khái luận*, ở phần phụ lục tác giả Inrasara cũng bổ sung *Bảng từ vựng tiếng Chăm, Bảng chuyển tự Chăm - Latin* (Inrasara, 2011, tr. 283, 289). Tác phẩm *Văn học Chăm hiện đại - Thơ* (tập hợp thơ của nhiều tác giả) do Inrasara chọn và giới thiệu đã in song ngữ tiếng Việt - tiếng Chăm cổ và cả tiếng Chăm Latin. Đây có thể coi là những hình thức bảo tồn và truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS qua văn chương.

Những năm gần đây, một số cá nhân và địa phương cũng có ý thức in ấn phát hành những sáng tác song ngữ của các tác giả người DTTS. Đơn cử như tập thơ song ngữ *Nhớ Pác Tạ* của nhóm các nhà thơ Tuyên Quang; Hội Văn học Nghệ thuật Yên Bái có thêm ấn phẩm *Văn nghệ Yên Bái vùng cao* dành cho các tác giả sáng tác bằng tiếng dân tộc và song ngữ. Tuy mới có ít dân tộc góp mặt (Tày, Hmông, Dao, Thái, Mường) và cũng chỉ 5 - 7 tác giả tham gia sáng tác, nhưng đó là một cố gắng của địa phương và của các nhà văn người DTTS. Hy vọng cách làm này sẽ được lan tỏa đến các địa phương khác, các DTTS và các nhà văn dân tộc khác.

Sách in bằng ngôn ngữ DTTS đã được sử dụng để biên soạn các cuốn từ điển đối chiếu song ngữ, các sách miêu tả ngữ pháp, các sách giáo khoa như: ngôn ngữ các dân tộc Hmông, Thái, Chăm, Ba Na, Mnông, Xơ Đăng, Cơ Ho, Tà Ôi, Bru-Vân Kiều, Raglai, Hrê, Gia Rai, Ê Đê, Kơ-me,... Các cuốn sách này là những tư liệu quý để tra cứu ngôn ngữ DTTS và dùng làm tài liệu giảng dạy ngôn ngữ DTTS rất có giá trị.

## **2.2. Sách dạy học tiếng dân tộc thiểu số**

Việc dạy học tiếng DTTS ở nước ta đã được triển khai có hiệu quả từ những năm 60 của thế kỷ XX với các thứ tiếng Hmông, Tày - Nùng, Thái. Ngay sau ngày Miền Nam giải phóng, một số tiếng dân tộc có chữ viết truyền thống như tiếng Chăm, tiếng Kơ-me đã sớm được đưa vào dạy trong trường phổ thông. Sau đó, một số tiếng dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên đã có chữ viết và có dân số đông như Ê Đê, Ba Na, Gia Rai cũng được đưa vào dạy thực nghiệm, thu được kết quả tốt. Nhờ đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp cùng với các địa phương xây dựng, ban hành một số chương trình, bộ sách giáo khoa tiếng dân tộc. Từ năm 2008 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành được 08 chương trình tiếng dân tộc (Chăm, Kơ-me, Gia Rai, Ba Na, Ê Đê, Hmông, Mnông, Thái) và 06 bộ sách giáo khoa tiếng dân tộc (Chăm, Kơ-me, Gia Rai, Ba Na, Hmông, Ê Đê). Đến nay, tại 23 tỉnh, thành phố trong cả nước có 6 thứ tiếng dân tộc chính thức được dạy trong trường phổ thông với gần 8.000 trường, khoảng 60.000 lớp và hơn 190.000 học sinh. Bên cạnh đó, ngành giáo dục vẫn đang tổ chức dạy thực nghiệm một số tiếng dân tộc, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện việc xây dựng chương trình, sách giáo khoa của một số tiếng dân tộc có chữ viết để tăng số lượng các tiếng dân tộc được đưa vào giảng dạy trong nhà trường. Chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành năm 2018 có môn “Tiếng Dân tộc thiểu số” được xếp là môn học tự chọn từ lớp 1 đến lớp 12 nhằm khuyến khích, tạo thuận lợi cho học sinh phổ thông là người DTTS có nguyện vọng học tiếng dân tộc mình để góp phần giữ gìn, phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của dân tộc. Trên cơ sở các chương trình tiếng dân tộc đã ban hành trước đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng chương trình môn học tiếng của các DTTS Việt Nam, trong đó giai đoạn đầu xây dựng chương trình 8 môn học của 8 thứ tiếng là Hmông, Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, Chăm, Kơ-me, Thái, Mnông và ban hành 6 bộ sách giáo khoa tiếng DTTS gồm tiếng Kơ-me, tiếng Chăm, tiếng Ê Đê, tiếng Gia Rai, tiếng Ba Na, tiếng Hmông. Bộ sách giáo khoa tiếng Mnông và sách giáo khoa tiếng Thái đang được triển khai xây dựng.

Dạy văn học địa phương là một hướng đi cần thiết để giới thiệu các giá trị văn học bằng tiếng mẹ đẻ đến với đồng bào DTTS. Hiệu quả của việc dạy học tiếng DTTS là chất lượng giáo dục vùng DTTS được nâng cao, số lượng trẻ em DTTS đến trường đông hơn, ý thức về vốn văn hóa dân tộc được nâng lên, góp phần bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa cho đồng bào DTTS.

Sự hỗ trợ của tổ chức Aide et Action International, Liên minh Châu Âu với dự án “Nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số và khó khăn” thực hiện thí điểm tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, bước đầu nâng cao chất lượng giáo dục trẻ em người DTTS thông qua hình thức sử dụng song ngữ là tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt để dạy và học tại trường. Bộ tài liệu giáo dục hỗ trợ song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Hmông thí điểm do giáo viên địa phương sáng tác, biên soạn gồm 55 câu chuyện ngắn phản ánh cuộc sống hàng ngày của trẻ em và cộng đồng người Hmông tại Lai Châu được lồng ghép vào chương trình sinh hoạt ngoài giờ lên lớp của trẻ với sự hỗ trợ của các thầy, cô giáo có kỹ năng chuyên môn tốt về phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm đã cho hiệu quả thấy rõ rệt. Bởi vì trẻ em thích đi học hơn nhờ có thêm hoạt động ngoại khóa với các trò chơi và hoạt động mới; tỷ lệ chuyên cần của trẻ tăng lên tới 98% vào năm 2018, chất lượng giáo dục được cải thiện; học sinh tiếp thu nhanh kiến thức, mạnh dạn và tự tin hơn, tạo sự hứng khởi khi đến trường.

Kết quả khảo sát hơn 1.000 học sinh mầm non và tiểu học của 3 dân tộc Hmông, Gia Rai và Kơ-me ở 3 tỉnh Lào Cai, Gia Lai, Trà Vinh của Viện Khoa học giáo dục Việt Nam cũng khẳng định việc triển khai chương trình giáo dục song ngữ tiếng Việt và tiếng DTTS đã góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa.

Đề thuận lợi cho việc tuyên truyền vận động đồng bào DTTS, bên cạnh dạy học tiếng DTTS trong nhà trường phổ thông, Đảng và Nhà nước ta còn chú trọng dạy học tiếng DTTS cho cán bộ công tác ở vùng DTTS. Chỉ thị số 38/CT-TTg, ngày 9/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi ghi rõ: “Yêu cầu của công tác quản lý và phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức công tác ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số phải biết tiếng dân tộc,... Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng và yêu cầu bắt buộc”. Căn cứ vào chương trình khung được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành 03/2006 các địa phương có đồng bào DTTS sinh sống đã nghiêm túc triển khai và thực hiện tốt công tác này. Theo thống kê, “từ năm 2007 đến năm 2017 đã có 25 tiếng dân tộc được dạy, 858 lớp học được mở, 36.691 học viên tham gia và 100% đạt yêu cầu” (Luu Văn Minh, 2017).

Ở Sóc Trăng, việc dạy tiếng DTTS cho cán bộ công chức được triển khai một cách bài bản. Theo Đề án đào tạo tiếng Kơ-me do Tỉnh ủy Sóc Trăng phê duyệt, chương trình đào tạo tiếng Kơ-me sẽ chia làm 2 giai đoạn đào tạo với 3 mức độ gồm: 2 lớp triển khai thực hiện giai đoạn 1 (2019 - 2020) là lớp căn bản dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; và lớp nâng cao cho cán bộ công chức công tác ở các xã có đồng bào Kơ-me, trực tiếp tiếp xúc với đồng bào Kơ-me. Giai đoạn 2 (sau 2020) tổ chức lớp biên dịch, phiên dịch phục vụ công tác chuyên môn cho 1 số ngành và lĩnh vực đặc thù. Hy vọng khi Đề án hoàn thành, chất lượng công tác truyền thông vùng DTTS sẽ được nâng cao một cách đáng kể.

Công tác bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ công chức được triển khai thực hiện khá tốt, giúp cán bộ công chức hiểu biết rõ hơn về phong tục tập quán, văn hóa của đồng bào DTTS và giúp họ trao đổi giao tiếp, xử lý công việc hàng ngày với người dân thuận lợi, hiệu quả hơn. Sự gần gũi, thân thiện khi cùng giao tiếp bằng một thứ tiếng mẹ đẻ của đồng bào DTTS khiến họ cởi mở và tin tưởng hơn vào cán bộ và chính quyền. Nhờ thế mối quan hệ gắn kết giữa đồng bào DTTS và chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, vẫn còn không ít khó khăn để có thể nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy học tiếng DTTS cả cho học sinh phổ thông DTTS và cho cán bộ công chức vùng DTTS. Đó là lãnh đạo một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc dạy học tiếng DTTS, nên chưa tạo điều kiện để thực hiện hoạt động này, thiếu một tầm nhìn chiến lược nên sự phát triển không chắc chắn. Việc dạy chữ Hmông ở Việt Nam đã có một thời kỳ vàng son những năm 60 thế kỷ XX khi triển khai thử nghiệm ở một vài địa phương nhỏ lẻ, nhưng đã thoái trào vì nhiều lý do, trong đó có lý do là khi triển khai ra diện rộng thì không đủ tiềm lực, đặc biệt là không có giáo viên đứng lớp. Đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc còn thiếu và phần lớn chưa được đào tạo chính quy nên yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ cho công tác đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu. Chế độ, chính sách cho giáo viên và người học còn hạn chế. Đặc biệt, khó khăn chung đối với các chương trình dạy tiếng dân tộc là trong tài liệu dạy học, chữ viết mới được phiên âm, mà mỗi vùng lại phiên âm theo cách khác nhau, ngay cả những người tham gia biên soạn chương trình và giảng dạy cũng có một số ngữ âm, chữ viết chưa thống nhất. Không ít DTTS chỉ có tiếng nói chưa có chữ viết, một số dân tộc khác có bộ chữ nhưng chưa được công nhận nên không thể đưa vào giảng dạy,...

Có thể thấy, số lượng sách in bằng chữ DTTS còn quá ít ỏi, số lượng người DTTS có thể tiếp xúc với sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của mình chưa nhiều, phần lớn là giới trí thức, người bình dân ít tiếp cận hoặc không có điều kiện tiếp cận. Vì vậy, giá trị và tác động truyền thông của nó chỉ có vai trò trong một bộ phận nhỏ người DTTS. Song, cũng cần lưu ý, dù sách in tiếng dân tộc chỉ tiếp cận với một số lượng người không nhiều, nhưng đây là những tầng lớp tinh hoa của dân tộc, nên vai trò bảo tồn bản sắc văn hóa tộc người sẽ được lan rộng đến vùng DTTS và MN.

Nhìn chung, ngôn ngữ sử dụng trong sách tiếng dân tộc còn nhiều điểm chưa thống nhất về cách dịch các từ, ngữ chính trị, khoa học. Điều này một phần có lẽ phụ thuộc vào đặc thù tiếng dân tộc, nhưng một phần cơ bản do trình độ của người dịch bài. Người dịch chưa chú trọng tìm tòi các từ tương ứng phù hợp để dịch mà thường sử dụng luôn các từ tiếng Việt. Điều này dẫn đến ngôn ngữ dân tộc bị pha tạp, không còn nguyên bản và sẽ ít nhiều bị mai một dần. Cần có những quy định cụ thể trong việc sử dụng ngôn ngữ DTTS trên sách in tiếng dân tộc để góp phần giữ gìn sự trong sáng, phong phú cho tiếng của cộng đồng các DTTS ở Việt Nam.

Về hình thức, một số ấn phẩm còn đăng tải các bài viết dài, nhiều số liệu, thông tin hướng dẫn khoa học kỹ thuật cứng nhắc không phù hợp với trình độ, đặc điểm tâm lý quen tiếp thu bằng trực quan của người dân. Đặc biệt, có những từ ngữ khoa học khó hiểu khiến cán bộ thôn bản, già làng, trưởng bản lúng túng khi giải thích, truyền thông tới bà con. Để đạt hiệu quả truyền thông, các ấn phẩm dành cho đồng bào DTTS nên sử dụng nhiều tranh ảnh, hình vẽ minh họa sinh động. Các hướng dẫn cần có ghi chú rõ ràng để đồng bào dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh sử dụng quá nhiều con số, hoặc nếu cần có thể thay bằng các đơn vị ước tính quy đổi theo thói quen tư duy của dân tộc.

### 3. Một số đề xuất kiến nghị

Cùng với việc nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức của sách in và báo in bằng tiếng DTTS, cần tiến hành điều tra bán đọc để đánh giá hiệu quả, hiệu lực truyền thông tới các đối tượng thụ hưởng. Đồng thời, tổ chức giám sát, đánh giá tình hình cấp phát, sử dụng sách, báo để có phương hướng điều chỉnh cho phù hợp tránh lãng phí, không hiệu quả. Tăng mức hỗ trợ kinh phí cho hoạt động cấp phát sách, báo ở những địa phương đặc biệt khó khăn, đảm bảo sách, báo đến được tay các đối tượng thụ hưởng; hỗ trợ về phụ cấp lương, chế độ công tác phí cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại cơ sở. Cải thiện nội dung cho phù hợp, hướng đến phản ánh cụ thể bản sắc mỗi tộc người. Đặc biệt chú ý đến sắc thái riêng của mỗi dân tộc và ngôn ngữ dân tộc.

Tiếp tục mở rộng quy mô dạy học tiếng DTTS ở trường phổ thông, duy trì và nâng cao hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc theo Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg. Củng cố và từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc để đáp ứng yêu cầu. Mở các khóa đào tạo về tiếng dân tộc tại các trường Đại học, Cao đẳng Sư phạm để có các khóa đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc hệ chính quy. Đổi mới phương pháp, đa dạng hóa các hình thức dạy học, khuyến khích cán bộ công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc. Với đội ngũ trí thức địa phương, cần bồi dưỡng để họ cùng tham gia xây dựng chương trình, sách giáo khoa, tài liệu công cụ (từ điển, sách ngữ pháp...), tài liệu ngữ dụng (sưu tầm văn học dân gian, sáng tác văn học mới...). Các nhà trường bổ sung đồ dùng, tranh ảnh, thiết bị dạy học phục vụ cho giảng dạy tiếng dân tộc ở địa phương. Hơn nữa, các cấp, ngành cũng cần quan tâm tăng cường đầu tư kinh phí để triển khai hiệu quả các loại hình truyền thông bằng tiếng DTTS như báo in, sách in.

Cùng với 29 ngôn ngữ DTTS được sử dụng trong phát thanh, truyền hình, hầu hết các ngôn ngữ cần đưa vào sử dụng ở các loại hình truyền thông khác với những mức độ khác nhau. Một số ngôn ngữ đã sử dụng để in sách, báo sẽ có khả năng lưu giữ được ngôn ngữ lâu hơn như Khơ-me, Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, Chăm, Hmông, Hoa, Cơ Ho, Mnông, Tày, Xơ Đăng, Cơ Tu, Pa Cô, Tà Ôi, Bru-Vân Kiều, Raglai, Chăm Hroi, Hrê, Giáy, Cao Lan, Co.... Dạy học tiếng DTTS hiện mới được triển khai ở 8 ngôn ngữ (Hmông, Ba Na, Gia Rai, Ê Đê,

Chăm, Khơ-me, Thái, Mnông), nhưng cán bộ công chức công tác tại vùng DTTS được học tiếng dân tộc ở vùng mình nên về lý thuyết thì tất cả các ngôn ngữ DTTS còn lại sẽ được sử dụng. Song, qua thực tiễn hiện nay, các địa phương chỉ có thể dạy được cho cán bộ công chức một số ngôn ngữ DTTS có dân số đông ở địa phương, tức ngôn ngữ vùng. Đối với các loại hình truyền thông DTTS khác, các ngôn ngữ nhỏ hơn với phạm vi giao tiếp hàng ngày chủ yếu trong gia đình và làng bản, số lượng người nói dưới 1 triệu người như Hà Nhì, Giáy, Khơ-mú, Chu Ru, Pa Cô, Tà Ôi,...; một số ngôn ngữ như Mảng, Kháng, Xinh Mun, Cống, Si La, Phù Lá, La Hủ... chỉ thỉnh thoảng được cán bộ địa phương sử dụng trong các cuộc họp có nhiều người cao tuổi để giải thích rõ hơn một vấn đề gì đó, nhưng vốn từ của cán bộ cũng rất hạn chế do ngôn ngữ ít được sử dụng nên mất dần trong đời sống. Các ngôn ngữ có nguy cơ tiêu vong với số lượng từ 100 đến vài nghìn người nói như Pu Péo, Cơ Lao, La Chí, La Ha, Cống, Si La, Rơ Măm và các nhóm địa phương như Đan Lai, Ly Hà, Tày Pọng, Mã Liềng, Rục, Mày, Sách, A Rem... thì hầu như không được sử dụng trong truyền thông vì chỉ một số người già nói được trong gia đình, người trẻ không biết. Ngôn ngữ dân tộc Ô-đu và một số nhóm dân tộc như Tu Dí, Sán Chí, Cơ Lao... chỉ có người già trong cộng đồng nói được, số còn lại đã chuyển sang giao tiếp bằng ngôn ngữ địa phương vùng và tất nhiên ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không thể được sử dụng trong truyền thông. Như vậy, ngôn ngữ có ít người sử dụng thì không thể được dùng trong truyền thông, trong khi nếu không có môi trường sinh ngữ thì nó khó tồn tại. Nhà nước ta đã và đang có nhiều chính sách bảo tồn các ngôn ngữ DTTS, một số công trình nghiên cứu về tiếng Xinh Mun, tiếng Pu Péo, tiếng Rục, tiếng Cơ Lao, tiếng Hà Nhì, tiếng Mảng... đã được xuất bản, một số ngôn ngữ được ghi âm và xử lý bằng công nghệ số hóa,... Tuy nhiên, những nghiên cứu này nhìn chung chưa ở diện rộng và sâu, phần lớn chưa được ứng dụng vào thực tế. Mặt khác, nếu ngôn ngữ chỉ được lưu lại bằng lời nói mà không có chữ viết thì khó có thể bảo tồn và phát triển.

Rõ ràng, tất cả các ngôn ngữ DTTS đều cần được sử dụng trong truyền thông để cùng lúc thực hiện hai nhiệm vụ: truyền tải thông tin và bảo tồn ngôn ngữ. Với các ngôn ngữ rất ít người sử dụng, chưa có chữ viết cần khẩn trương lưu giữ âm thanh bằng công nghệ số hóa, đồng thời tích cực thu thập các dữ liệu về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp để nghiên cứu xây dựng các bộ chữ viết. Phải có chữ viết mới giúp cho ngôn ngữ DTTS có thể phát huy các chức năng xã hội của nó và tạo điều kiện cho nó tồn tại, phát triển. Mục tiêu phát triển bền vững vùng DTTS khó có thể đạt được nếu không chú ý đến sự phát triển của từng tộc người cùng với văn hóa và ngôn ngữ của họ.

### **Kết luận**

Trong xã hội hiện đại, truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS có một vị thế khá quan trọng đối với đời sống xã hội, nhất là ở những quốc gia đa dân tộc như Việt Nam. Theo đó, vai trò của sách, báo in rất quan trọng. Nó không chỉ truyền thông bằng tiếng DTTS đến người dân

chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, những thông tin về chính trị - xã hội, khoa học và đời sống... góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo bền vững, mà còn giúp quảng bá, lưu giữ những hình ảnh tốt đẹp về bản sắc văn hóa và cuộc sống của đồng bào các DTTS. Đặc biệt, “*Vì hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng trong việc góp phần đảm bảo an ninh chính trị, chủ quyền quốc gia, lợi ích đất nước nên khi xem xét tới hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số, yếu tố chính trị của quốc gia cần phải được đưa lên vị trí hàng đầu bên cạnh những nhu cầu về thương thức văn hóa và giải trí*” (Cormack, 1998, tr. 78).

Song, trên thực tế, ở mặt trận không tiếng súng này, truyền thông bằng tiếng DTTS của ta còn khá hạn chế. Trong khi sách in, báo in chính thống trong nước rất ít ỏi, thì sách in, báo in bằng tiếng DTTS từ nước ngoài đưa vào lại khá phong phú, có sách dạy học chữ Hmông Mỹ, sách Kinh Thánh bằng chữ Hmông Mỹ, tài liệu tuyên truyền bằng chữ Hmông Mỹ,... Đây thực sự là điều đáng lo ngại, đòi hỏi sự cố gắng cao của truyền thông tiếng dân tộc ở Việt Nam trong việc đưa sách, báo in bằng tiếng dân tộc thiểu số vào đời sống hàng ngày của bà con. Có như vậy, vùng đồng bào DTTS và MN mới phát triển bền vững, bảo tồn được văn hóa các DTTS.

### Tài liệu tham khảo

1. Inrasara (2011), *Văn học Chăm khái luận*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
2. Lưu Văn Minh (2017), *Một số định hướng và giải pháp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức trong thời gian tới*, nguồn: Vụ Giáo dục dân tộc, trên trang <https://moet.gov.vn>, ngày đăng 12/12/2017 (Truy cập ngày 15/4/2020).
3. Nguyễn Thị Nhung và các cộng sự (2020), *Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số của Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Nhà nước, mã số: ĐT ĐLXH 02/18.
4. Thông tấn xã Việt Nam, *Báo ảnh Dân tộc và Miền núi*, trên trang [baoanhdantocmiennui](http://baoanhdantocmiennui.vn), ngày đăng 1/1/2013 (Truy cập ngày 25/6/2020).
5. Cormack, M. (1998), “Minority language media in Western Europe: Preliminary considerations”, *European Journal of Communication* 13.